

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 865/2020/ HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Long.
2. Bà Trần Thị Bích Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hoàng Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 745/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn B, cư trú tại: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Lệ Q, cư trú tại: Thôn M, xã P, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Văn B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Lệ Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T vào ngày 17-02-2011. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống gia đình, nên chị Q đã bỏ về nhà

cha mẹ đẻ ở từ năm 2018 đến nay. Anh có gọi điện liên lạc khuyên chị Q quay về chung sống nhưng chị Q không nghe, cuộc sống ly thân kéo dài, một mình anh nuôi 02 con. Nay anh yêu cầu giải quyết ly hôn.

Vợ chồng anh có 02 con chung là Phan Văn Đ (sinh ngày 07-11-2011) và Phan Trọng P (sinh ngày 06-6-2013), hiện nay đang ở với cha, sức khỏe bình thường. Khi ly hôn, anh xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, anh làm nông và thợ hồ, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 9.000.000 đồng.

* Tại bản khai đề ngày 21 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Lệ Q trình bày: Chị thống nhất về quá trình kết hôn, con chung như anh B trình bày. Vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc vì cuộc sống gia đình thiếu thốn phải nuôi 02 con, chăm lo cho mẹ chồng, nhưng anh B ít đi làm; anh B còn đánh đập, chửi mắng chị thậm tệ mỗi khi chị đề nghị về tiền bạc; ngoài ra anh B còn có ý định đưa người phụ nữ khác về chung sống. Chị đã bỏ về nhà cha mẹ của chị ở từ tháng 8-2019 đến nay. Tại buổi hòa giải ngày 21-8-2020, vì bức tức chồng ghen tuông nghi chị ngoại tình và đánh chị nhiều lần nên chị đồng ý ly hôn. Nay vì tình cảm vợ chồng còn yêu thương nhau và vì hai con còn nhỏ cần có mẹ chăm sóc nên chị đề nghị Tòa án xét xử bác yêu cầu xin ly hôn của chồng chị, cho vợ chồng chị đoàn tụ để nuôi dạy con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, không có mang thai; chị làm công nhân tại Công ty K, thu nhập trung bình hàng tháng từ 6.500.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

* Ý kiến của cháu Phan Văn Đ và cháu Phan Trọng P: Các cháu ở với cha từ hồi giờ. Nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là muốn ở với cha.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn B xin ly hôn và nuôi 02 con chung, các bên chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phan Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Phan Văn B và chị Nguyễn Thị Lệ Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T vào ngày 17-02-2011, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa anh B và chị Q là hôn nhân hợp pháp. Quá

trình chung sống giữa anh B và chị Q đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề tiền bạc và bạo hành trong gia đình. Chị Q đã về ở nhà cha mẹ đẻ từ 02 năm nay và đó cũng là quãng thời gian vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn tình cảm, trách nhiệm gì với nhau. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng anh B và chị Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận cho anh B và chị Q được ly hôn.

[3] Về con chung, 02 cháu Phan Văn Đ và Phan Trọng P đã ở với cha từ khi cha mẹ sống ly thân. Mặc dù nguyện vọng của 02 cháu là muốn ở với cha, nhưng xét điều kiện, hoàn cảnh của các bên trong việc chăm sóc, nuôi dạy con, nhằm đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho các cháu Đ và Phú cũng như trách nhiệm của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, Tòa thấy nên giao cho anh B nuôi cháu Đ còn chị Q nuôi cháu P, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh B phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án phù hợp một phần với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phan Văn B và chị Nguyễn Thị Lệ Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho anh Phan Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Văn Đ (sinh ngày 07-11-2011) – cháu Đ đang ở với cha.

2.2. Giao cho chị Nguyễn Thị Lệ Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Trọng P (sinh ngày 06-6-2013) – cháu P đang ở với cha.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Văn B phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008380 ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND xã P, huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh